

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yên

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/HNGĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Lê Ngọc T; sinh năm 1987; cư trú tại: 74/25 đường K, tổ 17, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị N; sinh năm 1986; cư trú tại: 43 đường P, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Lê Ngọc T, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Lê Ngọc T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, ông và bà Mai Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện và qua thời gian dài tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau và thường xuyên cãi vã; trước đây, ông cũng từng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng vì các con nên đã rút đơn. Ông và bà N đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay và tình cảm vợ chồng không còn nữa nên nay ông xin được ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Huỳnh Mai Ngọc B, sinh ngày 30-6-2013 và Huỳnh Mai Ngọc Q, sinh ngày 17-8-2015. Ly hôn, ông yêu cầu giao cả 02 con cho bà N trực tiếp nuôi; ông cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về tài sản: Ông và bà Mai Thị N không có tài sản chung.

Bị đơn bà Mai Thị N, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống sau khi kết hôn thì giữa bà với ông T không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là cãi vã như bao nhiêu gia đình khác. Việc ông T nộp đơn xin ly hôn là do năm 2019 ông có quan hệ tình cảm và có con với 01 người phụ nữ khác nên không còn quan tâm đến vợ con. Gia đình biết việc đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng ông T vẫn không nghe và còn đến sống chung với người phụ nữ đó, còn bà và 02 con thì từ đó đến nay vẫn sống cùng nhà với bố mẹ chồng. Hiện tại bà thấy 02 con rất cần cha và bố mẹ chồng cũng mong muốn ông T quay về, còn bà thì vẫn còn yêu thương chồng nên đề nghị Tòa án xem xét cho gia đình được đoàn tụ, nếu ông T vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Huỳnh Mai Ngọc B, sinh ngày 30-6-2013 và Huỳnh Mai Ngọc Q, sinh ngày 17-8-2015.

- Về tài sản: Bà và ông T không có tài sản chung.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Lê Ngọc T đối với bà Mai Thị N.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 18-9-2024, ông Huỳnh Lê Ngọc T nộp đơn kháng cáo yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Lê Ngọc T về yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị N, thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án thì bà N có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chưa thành niên. Còn ông T cũng thừa nhận bản thân ông đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N là đúng với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, kháng cáo xin ly hôn của ông T là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Lê Ngọc T về yêu cầu được ly hôn với bà Mai Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Lê Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không cho ông Huỳnh Lê Ngọc T ly hôn với bà Mai Thị N.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Lê Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002870 ngày 24-9-2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND quận S;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến

Đỗ Thị Thúy Năng

Ngô Hà Nam

Chia cho ông Hợp bằng hiện vật: 01 ngôi nhà 04 tầng tại 1359 Nguyễn Tất Thành, Đà Nẵng, trị giá 1.495.468.921 đồng; 01 thửa đất tại xã Tam Phú, Tam Kỳ, trị giá 2.221.150.000 đồng, 02 tài sản trên có tổng trị giá 3.716.618.921 đồng, nên ông Hợp phải thanh toán cho bà Anh phần chênh lệch 719.179.461 đồng.

Chia cho bà Anh bằng hiện vật: 01 thửa đất tại phường Cẩm Nam, Hội An, trị giá 1.573.560.000 đồng; 01 xe ô tô Nissan, trị giá 264.700.000 đồng và tiền mặt 440.000.000 đồng, tổng trị giá 2.278.260.000 đồng

Tổng: $5.554.878.921đ + 440.000.000đ = 5.994.878.921đ : 2 = 2.997.439.460,5$

$5.994.878.921đ - 74.256.912 đ = 5.920.622.009 đ : 2 = 2.960.311.004,5 đ$

Hợp nhận: $1.495.468.921đ + 2.221.150.000 đ + 264.700.000 đ = 3.981.318.921 đ$

$(3.981.318.921đ - 2.997.439.460,5đ = 983.879.460,5 + 37.128.456 = 1.021.007.916,5 đ)$

Anh nhận: $1.573.560.000 đ + 440.000.000 đ = 2.013.560.000 đ$ (đc cộng thêm 946.751.004,5đ) / 983.879.460,5đ

Tổng trị giá tài sản giao cho ông Hợp là **3.981.318.921 đ** và giao nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng cho bà Anh 74.256.912 đ nên ông Hợp có nghĩa vụ thanh toán cho bà Anh phần trị giá tài sản chênh lệch khi chia được chia tính thành tiền là 1.021.007.916,5 đồng.

- + 01 xe ô tô hiệu Nissan, biển số 92A-16137;
- + 01 thửa đất số 109, tờ bản đồ số 17, tại Thanh Nam Đông, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 618482 ngày 26-4-2018;
- + 01 thửa đất số 1424, tờ bản đồ số 19, tại thôn Phú Quý, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 010904 ngày 03-8-2018;
- + 01 nhà, đất tại thôn Mỹ Bình, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nhà, đất không có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất);
- + 01 nhà tại 1359 đường Nguyễn Tất Thành, tổ 46, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 487330 ngày 11-8-2015;
- Số tiền 440.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Á.

